

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2013

- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HÀ NỘI, NGÀY 17 THÁNG 04 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Tầng 17 - 249A Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		168.283.198.254	169.390.131.972
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.725.451.940	5.327.159.387
1. Tiền	111	V.1	1.225.451.940	1.327.159.387
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	15.360.080.784	16.360.080.784
1. Đầu tư ngắn hạn	121		15.661.028.407	16.661.028.407
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(300.947.623)	(300.947.623)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.178.045.664	126.596.311.964
1. Phải thu của khách hàng	131		43.243.987.192	43.175.805.374
2. Trả trước cho người bán	132		11.772.263.195	11.522.263.195
3. Các khoản phải thu khác	135		70.834.213.261	72.570.661.379
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(672.417.984)	(672.417.984)
IV. Hàng tồn kho	140		10.878.999.100	10.873.896.740
1. Hàng tồn kho	141		10.878.999.100	10.873.896.740
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.140.620.766	10.232.683.097
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		101.009.643	2.526.750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		93.131.807	2.675.774
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1.994.294.129	1.994.294.129
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V3	7.952.185.187	8.233.186.444
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		299.039.773.648	299.219.389.698
I. Tài sản cố định	220		124.515.290.978	124.583.184.570
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V4	236.326.059	352.733.916
- Nguyên giá	222		3.164.242.858	3.164.242.858
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.927.916.799)	(2.811.508.942)
2. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228		95.400.000	95.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(95.400.000)	(95.400.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	124.278.964.919	124.230.450.654
II. Bất động sản đầu tư	240		28.600.000.000	28.600.000.000
- Nguyên giá	241		28.600.000.000	28.600.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Tầng 17 - 249A Thuy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		145.403.111.196	145.403.111.196
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	V.6	17.150.000.000	17.150.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	131.478.414.900	131.478.414.900
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(3.225.303.704)	(3.225.303.704)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		521.371.474	633.093.932
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		521.371.474	633.093.932
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		467.322.971.902	468.609.521.670
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		58.654.788.558	58.034.294.023
I. Nợ ngắn hạn	310		58.654.788.558	58.034.294.023
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		1.403.520.233	1.040.981.700
3. Người mua trả tiền trước	313		962.515.486	962.515.486
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.8	23.602.953	185.519.082
5. Phải trả người lao động	315		172.501.378	
6. Chi phí phải trả	316		229.000.000	297.850.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.9	53.860.722.414	53.328.811.661
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.002.926.094	2.218.616.094
II. Nợ dài hạn	330			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		408.668.183.344	410.575.227.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	V10	408.668.183.344	410.575.227.647
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		373.500.000.000	373.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.790.387.000	2.790.387.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(3.546.600.829)	(3.546.600.829)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.650.130.542	3.650.130.542
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.650.130.542	3.650.130.542
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		28.624.136.089	30.531.180.392
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		467.322.971.902	468.609.521.670

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)



Vu Văn Tuyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thuỳ Linh

Ngày 17 tháng 04 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)



Lê Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Tầng 17 - 249A Thuy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

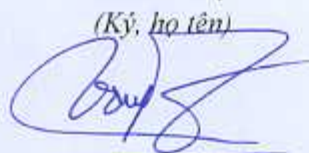
Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

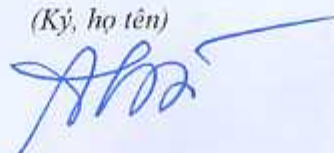
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		88.034.618	681.769.847	88.034.618	681.769.847
2. Các khoản giảm trừ	02					0
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10		88.034.618	681.769.847	88.034.618	681.769.847
4. Giá vốn hàng bán	11				0	0
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV (20=10-11)	20		88.034.618	681.769.847	88.034.618	681.769.847
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.250.882.273	12.354.815.679	1.250.882.273	12.354.815.679
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		1.432.982.782	1.576.338.459	1.432.982.782	1.576.338.459
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.430.091.667	889.710.658	1.430.091.667	889.710.658
8. Chi phí bán hàng	24					0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.217.978.412	3.749.734.484	2.217.978.412	3.749.734.484
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		-2.312.044.303	7.710.512.583	-2.312.044.303	7.710.512.583
11. Thu nhập khác	31		405.000.000	288.981.073	405.000.000	288.981.073
12. Chi phí khác	32				0	0
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		405.000.000	288.981.073	405.000.000	288.981.073
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		-1.907.044.303	7.999.493.656	-1.907.044.303	7.999.493.656
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			1.988.264.037	0	1.988.264.037
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		-1.907.044.303	6.011.229.619	-1.907.044.303	6.011.229.619
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)


Vũ Văn Tuyền**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)


Nguyễn Thuý Linh**Lê Thanh Tùng**

Báo cáo này được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

11/2/ - 0 0 0 1011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Tầng 17 - 249A Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01 đến 31/03/2012

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.907.044.303)	7.999.493.656
2. Điều chỉnh các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	116.407.857	119.130.890
Các khoản dự phòng	03		(1.127.521.651)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(12.212.369.101)
Chi phí lãi vay	06	1.430.091.667	889.710.658
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(360.544.779)	(4.331.555.548)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	2.608.811.524	(14.771.945.311)
(Tăng) Giảm hàng tồn kho	10	(4.574.406)	(205.778.328)
Tăng (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(998.100.664)	4.930.600.855
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	13.239.565	(175.265.630)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.599.230.951)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	139.461.313	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(42.744.848.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.398.292.553	(60.898.023.734)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(62.200.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.662.200.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		100.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(75.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	1.398.292.553	(37.560.223.734)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5.327.159.387	45.932.248.305
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	6.725.451.940	8.372.024.571

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Vũ Văn Tuyền

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thuỳ Linh

Lập, ngày 06 tháng 04 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
PV2
TÂY HỒ - HÀ NỘI

Lê Thanh Tùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2013

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102306389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 29/10/2012. Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PV2.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- + Dịch vụ kinh doanh và đầu tư bất động sản;
- + Dịch vụ và đầu tư tài chính.
- +

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán : Bắt đầu từ ngày 01/01; Kết thúc vào ngày 31/12

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, các văn bản hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Đơn vị áp dụng và tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các dòng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực số 21- Trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2. Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ thấp hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay khó khăn tương tự.

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dự trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

5. Chi phí XDCB dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết và góp vốn liên doanh theo giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà nhà đầu tư nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

7. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Được thực hiện theo các nguyên tắc, phương pháp kế toán tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	873.640.872	253.189.871
- Tiền gửi không kỳ hạn	351.811.068	1.073.969.516
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.500.000.000	4.000.000.000
Cộng	6.725.451.940	5.327.159.387
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư Chứng khoán	585.027.622	585.027.622
- Repo chứng khoán	15.076.000.785	16.076.000.785
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(300.947.623)	(300.947.623)
Cộng	15.360.080.784	16.360.080.784

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 17 – 249A Thụy Khuê – Tây Hồ – Hà Nội

3. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tạm ứng	870.819.987	912.603.644
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	7.081.374.000	7.320.574.000
Cộng	7.952.193.987	8.233.177.644

4. Tài sản cố định hữu hình	Thiết bị VP	Phương tiện VT	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
- Tại ngày 01/01/2013	765.852.209	2.398.390.649	3.164.242.858
- Tăng trong kỳ			
- Giảm trong kỳ			
- Tại ngày 31/03/2013	765.852.209	2.398.390.649	3.164.242.858
GIÁ TRỊ HAO MÒN LK			
- Tại ngày 01/01/2013	674.168.033	2.137.340.909	2.811.508.942
- Khấu hao trong kỳ	16.474.914	99.932.943	116.407.857
- Giảm trong kỳ			
- Tại ngày 31/03/2013	690.642.947	2.237.273.852	2.927.916.799
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
- Tại ngày 01/01/2013	91.684.176	261.049.740	352.733.916
- Tại ngày 31/03/2013	75.209.262	161.116.797	236.326.059

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự án Nhơn Trạch - Đồng Nai	124.278.964.919	124.230.450.654
Cộng	124.278.964.919	124.230.450.654

6. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty CP Dịch vụ V-Car	17.150.000.000	17.150.000.000
Cộng	17.150.000.000	17.150.000.000

7. Đầu tư dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty CP BOT Quốc lộ 2	16.390.000.000	16.390.000.000
- Công ty CP Fortika Trung Yên	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 18	26.600.000.000	26.600.000.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Sao Đỏ	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty TNHH Khai Hưng	7.396.934.900	7.396.934.900
- HTX Công nghiệp Đoàn Kết	13.678.080.000	13.678.080.000
- Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí	16.280.000.000	16.280.000.000
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	16.627.000.000	16.627.000.000
- Công ty CP Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ Vinacomin	4.506.400.000	4.506.400.000
Cộng	131.478.414.900	131.478.414.900

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
---	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 17 – 249A Thụy Khuê – Tây Hồ – Hà Nội

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		126.435.909
- Thuế Giá trị gia tăng		59.083.173
- Thuế thu nhập cá nhân	23.602.953	
Cộng	23.602.953	185.519.082

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải trả Công ty Cổ phần PVI	51.076.675.557	49.646.583.890
- Cổ tức còn phải trả cho cổ đông PV2	2.607.317.548	2.651.570.048
- Phải trả, phải nộp khác	176.729.309	1.030.657.723
Cộng	53.860.722.414	53.328.811.661

10. Vốn chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	373.500.000.000	373.500.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	2.790.387.000	2.790.387.000
- Cổ phiếu quỹ (Số lượng: 481.200 CP)	(3.546.600.829)	(3.546.600.829)
- Quỹ đầu tư phát triển	3.650.130.542	3.650.130.542
- Quỹ dự phòng tài chính	3.650.130.542	3.650.130.542
- Lợi nhuận chưa phân phối	28.624.136.089	30.531.180.392
Cộng	408.668.183.344	410.575.227.647

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Văn Tuyến

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thuỳ Linh



Lê Thanh Tùng

Số: ...55.../CV

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2013

V/v: Giải trình BCTC quý 1 năm 2013

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư 09/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 01 năm 2010 về việc “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”, tại phần IV, mục 1, khoản 1.2.2 có quy định: “Trường hợp lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên, tổ chức niêm yết phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý”.

Căn cứ số liệu BCTC quý 1 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 lợi nhuận sau thuế trong báo cáo tài chính quý 1 năm 2013 là -1,907 tỷ đồng, so với quý 1 năm 2012 giảm 131,7% là do doanh thu hoạt động tài chính của đơn vị quý 1 năm 2013 giảm mạnh chỉ bằng 10,1% so với doanh thu hoạt động tài chính quý 1 năm 2012 dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2013 giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐQT, BKS (để báo cáo)
- Lưu VT



Lê Thanh Tùng